

Đông Nguyễn (2022). Tác động của FDI tới kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2022), 115-124.

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2022

Bài báo khoa học

Tác động của FDI tới kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

Nguyễn Thị Đông (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển

TÓM TẮT. Sau hơn 30 năm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Việt Nam nói chung và tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng đã đạt được những thành tựu to lớn, khu vực FDI đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tác giả phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng vốn khu vực FDI và tăng trưởng kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2011 - 2020 bằng phương pháp tính hệ số tương quan hạng Spearman nhận thấy: Hệ số tương quan hầu như tác động cùng chiều cho thấy tác động của FDI đến các biến số đại diện cho phát triển kinh tế xã hội là không thực sự rõ nét. Bài viết đề xuất đưa ra một số các khuyến nghị về nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng vốn FDI của tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày nhận bài:
15 tháng 12, 2021
Bản sửa lần 1:
26 tháng 12, 2021
Ngày duyệt bài:
31 tháng 12, 2021

Mã số: ĐS110122

Từ khóa: FDI, Kinh tế xã hội, Vĩnh Phúc

ABSTRACT. After more than 30 years of attracting foreign direct investment (FDI), Vietnam in general and Vinh Phuc province, in particular, have achieved remarkable achievements; the FDI sector has made positive contributions to the socio-economic development of Vinh Phuc province. The author analyzes the relationship between capital growth of the FDI sector and socio-economic growth of Vinh Phuc province in the period 2011 - 2020 by using the Spearman rank correlation coefficient and finds that: The correlation coefficient has almost the same direction, showing that the impact of FDI on the variables representing socio-economic development is not clear. The paper proposes to make some recommendations on enhancing the efficiency of FDI attraction and utilization in the province of Vinh Phuc.

Keywords: FDI, Socio-economic, Vinh Phuc

1. Cơ sở lý thuyết và phương pháp tính hệ số tương quan hạng Spearman

1.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu của Li và Lui (2005) qua khảo sát 88 quốc gia có tiếp nhận FDI (bao gồm cả nước phát triển và đang phát triển) đã chỉ ra rằng FDI và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau. Theo tác giả FDI không những trực tiếp tác động đến tăng trưởng kinh tế mà còn thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và công nghệ. Tuy vậy nước nhận FDI phải có nguồn nhân lực và công nghệ đạt tới trình độ nhất định. Nghiên cứu của học giả Lê Quốc Hội (2008), hoạt động FDI không những giúp địa phương nhận FDI giải quyết công ăn việc làm, nâng cao kỹ năng lao động, cải thiện trình độ công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện đại hơn mà còn có tác động lan tỏa tới nền kinh tế bản địa thông qua hiệu ứng ngang và hiệu ứng dọc. Nghiên cứu của Nguyễn Phú Tụ và Huỳnh Công Minh (2010) đã kiểm định mối quan hệ hai chiều giữa vốn FDI và tăng trưởng kinh tế tại 64 tỉnh, thành phố Việt Nam với nguồn dữ liệu chéo, với các biến được lấy giá trị trung bình từ năm 2003 - 2007. Kết quả cho thấy FDI tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tại 64 tỉnh, thành cả nước và tăng trưởng kinh tế cao tại 64 tỉnh, thành là dấu hiệu tích cực để thu hút các nhà đầu tư đến Việt Nam. Tuy nhiên, tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế lại phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của nền kinh tế.

Như vậy, phần nhiều các kết quả nghiên cứu đều cho thấy, sự có mặt của doanh nghiệp FDI có thể giúp nâng cao tăng trưởng kinh tế một cách trực tiếp, đồng thời giúp cải thiện năng suất, mở rộng việc làm

và nâng cao thu nhập của khu vực trong nước một cách gián tiếp. Các biến số của nền kinh tế có khả năng chịu tác động mạnh từ FDI bao gồm: tốc độ tăng trưởng, đầu tư tư nhân trong nước, năng suất lao động, thu ngân sách nhà nước (NSNN) và việc làm.

1.2. Phương pháp tính hệ số tương quan hạng Spearman

Phương pháp tính hệ số tương quan nói chung được sử dụng để nghiên cứu mối quan hệ phụ thuộc thống kê giữa các biến số. Khi một tập hợp giá trị của dấu hiệu này biến động, theo một cách nào đó, có phụ thuộc thống kê vào biến động giá trị của dấu hiệu khác thì có thể nói biến động giá trị của hai dấu hiệu có tương quan với nhau. Có nhiều loại hệ số tương quan. Hai trong những hệ số tương quan phổ biến là hệ số tương quan tuyến tính Pearson và hệ số tương quan hạng Spearman. Trong đó, hệ số tương quan tuyến tính Pearson chỉ dùng khi giá trị của các biến số tuân theo phân phối chuẩn, và chỉ phù hợp khi giữa các biến có mối quan hệ phụ thuộc thống kê một cách tuyến tính. Tuy nhiên, ưu điểm của hệ số này là đơn giản, tính nhanh và có cài sẵn công thức trong các phần mềm. Hệ số tương quan hạng Spearman dùng được trong cả hai trường hợp giá trị của các biến số có hay không tuân theo phân phối chuẩn, và quan hệ phụ thuộc thống kê giữa các biến không nhất là tuyến tính. Ngoài ra, nó còn được dùng trong cả những trường hợp khi giá trị các biến số có những điểm cao hay thấp đột ngột.

Phương pháp tính hệ số tương quan hạng Spearman như sau:

Giả sử có hai biến X và Y. Giá trị của các biến được sắp xếp theo thứ tự tăng (hoặc giảm) dần, với các giá trị hạng tương ứng là

R_x và R_y . Gọi d là sự chênh lệch giữa R_x và R_y . Hệ số tương quan hạng Spearman được tính theo công thức sau:

Ở đây, n là số phần tử.

S nhận giá trị trong đoạn $[-1, 1]$. Khi $S = 1$, X và Y có biến động cùng chiều hoàn toàn. Khi $S = -1$, X và Y có biến động ngược chiều hoàn toàn. Khi $S = 0$, X và Y biến động độc lập với nhau về mặt thống kê. S nhận các giá trị dương hay âm sẽ là dấu hiệu cho biết X và Y có biến động cùng hoặc ngược chiều. Quan hệ này càng mạnh khi giá trị của S càng gần 1 và càng yếu khi giá trị của S càng gần 0.

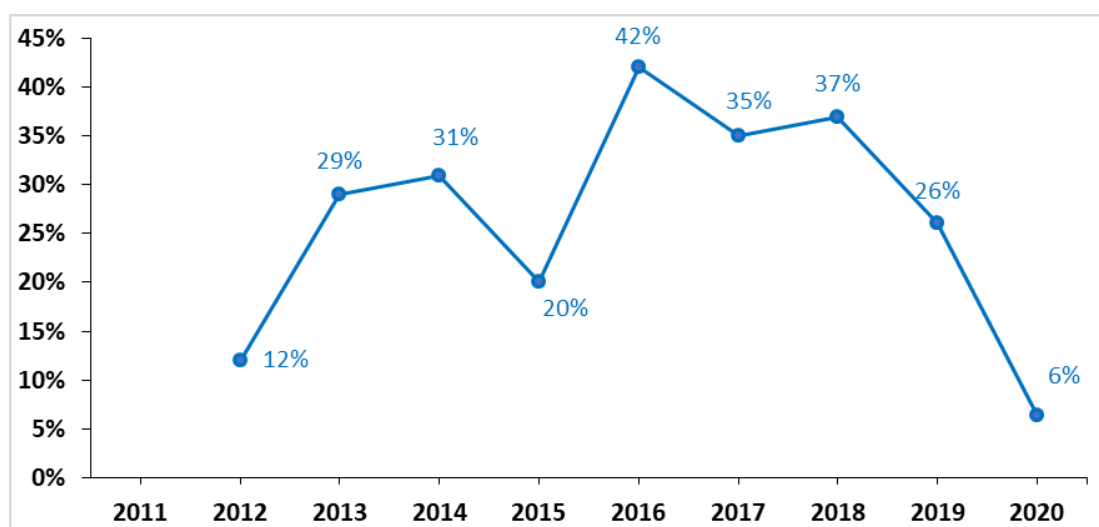
2. Kết quả phân tích thực nghiệm

2.1. Thực trạng thu hút FDI và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

a. Thực trạng thu hút FDI của tỉnh Vĩnh Phúc

Tính đến hết năm 2020, tỉnh Vĩnh Phúc đang có 412 dự án FDI còn hiệu lực với tổng

vốn đăng ký đạt 6,1 tỷ USD, trong đó, riêng giai đoạn 2015-2020 thu hút được 3,12 tỷ USD vốn đầu tư các dự án FDI, chiếm 32% tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh. Tổng vốn FDI đã thực hiện luôn luôn tăng qua các năm (Hình 1) và có xu hướng thay đổi về cơ cấu theo hướng tiến bộ, có nhiều dự án quy mô vốn lớn, trung bình khoảng 11 triệu USD/dự án [8]. Trên địa bàn tỉnh có mặt các nhà đầu tư lớn của nhiều tập đoàn toàn cầu như: Toyota, Honda, Sumitomo (Nhật Bản); Piaggio (Italia); De Heus (Hà Lan); Deawoo; Patron Vina, Heasung Vina, Cammsys (Hàn Quốc); đến từ các nước phát triển. Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, thu hút đầu tư FDI đạt thấp so cùng kỳ, vốn FDI chỉ bằng 57,49% năm trước vượt 21,12% so với kế hoạch (550 triệu USD) với 31 dự án cấp mới và 44 dự án tăng vốn.



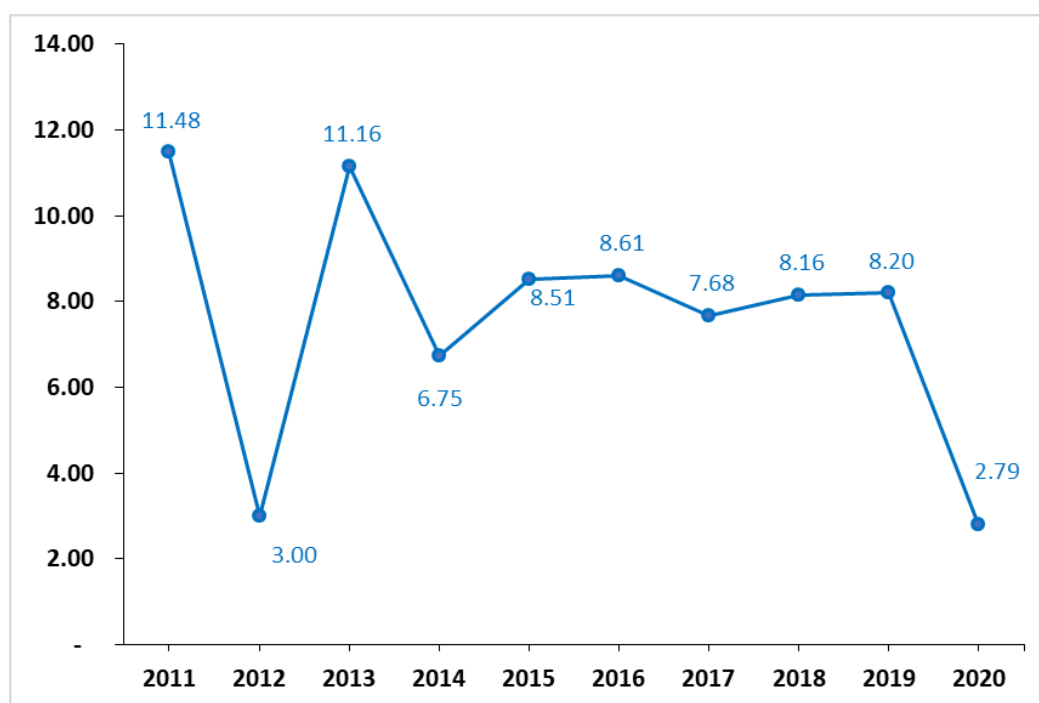
Hình 1: Tốc độ tăng trưởng vốn FDI giai đoạn 2010 - 2020

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc)

b. Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội

Quy mô nền kinh tế của tỉnh liên tục gia tăng trong cả giai đoạn 2011 - 2020, năm 2020 quy mô gấp 1,56 lần so với năm 2015, tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí của tỉnh trong vùng và cả nước (Hình 2), đặc biệt năm 2018, tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 8,16% vượt kế hoạch đề ra, riêng năm 2020,

tốc độ tăng trưởng đã sụt giảm mạnh, chỉ ở mức 2,79% so năm 2019, mức thấp nhất trong nhiều năm qua, đứng gần cuối danh sách trong các tỉnh thành trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt xấp xỉ 7,1%/năm đạt được so với mục tiêu kế hoạch.



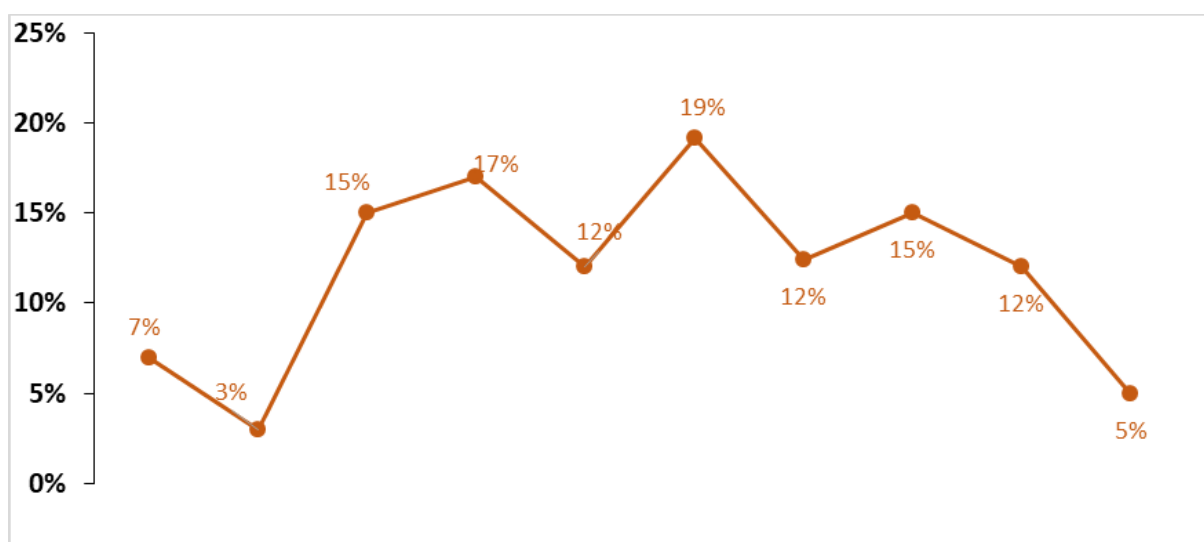
Hình 2: Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Vĩnh Phúc

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc)

Về đầu tư của khu vực tư nhân

Quy mô đầu tư của khu vực tư nhân trong nước hầu hết tăng trong giai đoạn nghiên cứu. Một số năm do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế và dịch bệnh Covid-19 nên cũng có sự sụt giảm 2012, 2020 (Hình

3). NSLĐ của tỉnh Vĩnh Phúc tăng qua các năm có xu hướng tăng chậm (bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 6,27%/năm), cao hơn mức tăng trưởng NSLĐ của cả nước (bình quân năm giai đoạn 2011-2020 đạt 4,12%/năm)



Hình 3. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư tư nhân của tỉnh Vĩnh Phúc

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc)

Về giải quyết việc làm hầu hết số việc làm tăng lên qua các năm, năm 2020 các doanh nghiệp đầu tư tại tỉnh Vĩnh Phúc đã giải quyết việc làm cho 622.388 lao động ở trong và ngoài tỉnh. Về thu NSNN, đóng góp về NSNN tỉnh từ là Honda Việt Nam và Toyota Việt Nam chiếm tỷ lệ lớn, đóng góp ngân sách của doanh nghiệp FDI ở Vĩnh Phúc chiếm 80%, tỷ lệ tổng thu ngân sách nhà nước/GRDP đạt mức cao, trung bình toàn giai đoạn đạt tới 32,1%/năm [8]

Nhìn chung, tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được những thành tựu đáng kể về tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng đầu tư của khu vực tư nhân, tăng NSLĐ, tăng thu NSNN và giải quyết việc làm. Kết quả này, theo ý kiến của chuyên gia đều cho rằng có được là nhờ những nỗ lực thu hút đầu tư của khu vực FDI và cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Kết quả tính hệ số tương quan hạng Spearman giữa kết quả phát triển kinh tế xã hội với tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI của tỉnh Vĩnh Phúc

Trong mục này, nghiên cứu sẽ tính hệ số tương quan hạng Spearman giữa tăng trưởng FDI với tăng trưởng tổng sản phẩm, tăng trưởng đầu tư của khu vực tư nhân, tăng trưởng NSLĐ, tăng thu NSNN và tăng trưởng việc làm của tỉnh Vĩnh Phúc. Do tác động ảnh hưởng của vốn đầu tư tới các thành tựu kinh tế thường có độ trễ nhất định, hệ số tương quan hạng sẽ không chỉ tính theo giá trị các biến số ở cùng kỳ mà còn tính tương quan giữa tăng trưởng FDI với các biến đại diện cho tình hình phát triển kinh tế xã hội trễ từ 1 đến 4 thời kỳ kết quả như sau:

Bảng 1: Hệ số tương quan hạng giữa tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI và tăng trưởng các biến số kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

di(GRDP_FDI)	di(VL_FDI)	di(TN_FDI)	di(NSLD_FDI)	di(NSNN_FDI)
Hệ số Spearman giữa tăng trưởng FDI với giá trị cùng thời kỳ của các biến còn lại				
0.224	0.394	0.321	0.115	0.673
Hệ số Spearman giữa tăng trưởng FDI với giá trị trễ 1 thời kỳ của các biến còn lại				
0.683	0.450	0.267	0.533	0.567
Hệ số Spearman giữa tăng trưởng FDI với giá trị trễ 2 thời kỳ của các biến còn lại				
0.548	0.405	0.548	0.333	0.481
Hệ số Spearman giữa tăng trưởng FDI với giá trị trễ 3 thời kỳ của các biến còn lại				
0.321	-0.193	0.579	-0.001	0.493
Hệ số Spearman giữa tăng trưởng FDI với giá trị trễ 4 thời kỳ của các biến còn lại				
0.186	-0.143	0.243	-0.086	0.529

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu thống kê [3]

Từ kết quả Bảng 1, có thể thấy:

- Về tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI để nâng cao tăng trưởng kinh tế

Tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế không được như kỳ vọng. Kết quả Bảng 1 cho thấy tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế chỉ tăng ở năm thứ nhất, năm thứ 2 và bắt đầu giảm ở các năm sau đó, điều thể hiện qua hệ số tương quan âm giữa tăng trưởng FDI và tăng trưởng tổng sản phẩm trễ 2,3 thời kỳ. Điều này được giải thích là do các vấn đề liên quan đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn FDI và việc quá ưu đãi đối với các nguồn vốn FDI có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực do nhường nguồn lực cho doanh nghiệp FDI. Hầu hết

thu hút đầu tư các dự án FDI vào các khu công nghiệp (KCN) mới chủ yếu là các dự án gia công, lắp ráp điện tử, các dự án vệ tinh nhỏ. Nhìn từ góc độ quy mô doanh nghiệp cho thấy, có đến 95% doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong số này có quá nửa doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đang sử dụng công nghệ đơn giản, trong số này có khoảng 3% doanh nghiệp khu vực FDI và hầu hết có trình độ công nghệ giản đơn. Quy mô doanh nghiệp nhỏ rất khó khăn, gây cản trở cho việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và khó phát huy được hiệu quả kinh tế nhờ quy mô. Khu vực doanh nghiệp khu vực FDI tạo ra giá trị gia tăng còn ở mức thấp.

• *Về tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI để tạo việc làm*

Tăng trưởng FDI có quan hệ cùng chiều với tăng trưởng việc làm cùng kỳ và tăng trưởng việc làm trễ hai thời kỳ, tuy nhiên, hệ số tương quan thấp (< 0.5) cho thấy quan hệ này không thực sự rõ nét. Ở các độ trễ 2 và 4 thời kỳ, hạng của tăng trưởng việc làm còn ngược chiều với tăng trưởng FDI. Do đó, có thể kết luận, mặc dù có tạo ra nhiều việc làm hơn cho tỉnh Vĩnh Phúc, phần lớn sử dụng lao động rẻ, gia công lắp ráp và tạo giá trị gia tăng thấp, khu vực FDI chưa mang lại nhiều giá trị gia tăng cho tỉnh. FDI chưa thể hiện khả năng tạo ra sự tăng trưởng việc làm trong dài hạn. Thực tế cho thấy, ở địa phương đang thiếu nhân lực quản lý trình độ cao, doanh nhân giỏi, lao động nghề trong khu vực mũi nhọn. Với việc thu hút các dự án FDI vào các lĩnh vực công nghệ cao (điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, cơ khí chính xác, v.v...) ngày càng tăng lên, nhu cầu về lao động kỹ thuật là rất lớn, tuy vậy lao động của địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu.

- *Về tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI với việc thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân trong nước*

Tác động của FDI tới đầu tư tư nhân trong nước có thể được phản ánh rõ ràng hơn khi xem xét phản ứng của đầu tư tư nhân trước những thay đổi của đầu tư FDI. Tuy nhiên kết quả lại cho thấy tác động của đầu tư FDI tới đầu tư tư nhân trong tỉnh là rất nhỏ trong năm đầu tiên (< 0.5) và có tăng cao hơn nhưng vẫn ở mức rất thấp và duy trì ở các năm tiếp theo. Có thể thấy tăng trưởng FDI khá thuận chiều với tăng

trưởng đầu tư tư nhân của khu vực trong nước. Điều này cho thấy đã có tác động lan toả ngang từ doanh nghiệp FDI đối với doanh nghiệp trong nước, tuy vậy mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI đối với doanh nghiệp trong nước còn chưa cao.

- *Về tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI thúc đẩy đối với tăng trưởng năng suất lao động (NSLĐ) của nền kinh tế*

Tác động của FDI đối với NSLĐ thể hiện qua việc tác động lan toả ngang từ doanh nghiệp FDI đối với các doanh nghiệp trong nước thông qua mua đầu vào của các doanh nghiệp trong nước để tăng tăng NSLĐ. Hệ số Spearman mang dấu dương (+), nghĩa là có sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước ở cùng một ngành thông qua doanh nghiệp FDI cung cấp đầu vào cho doanh nghiệp trong nước để tăng NSLĐ. Hệ số Spearman mang dấu (-), nghĩa là không sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước ở các ngành khác để tăng NSLĐ. Ở đây hạng của tăng trưởng NSLĐ với tăng trưởng FDI chưa ổn định, dương ở các hệ số cùng kỳ, trễ 1 kỳ và 2 kỳ; âm ở trễ 3 kỳ và 4 kỳ. Trên thực tế, các sản phẩm đầu ra của các doanh nghiệp nội địa chất lượng còn kém, tiềm lực doanh nghiệp yếu nên khó có khả năng tiếp nhận lan tỏa từ nhà cung cấp là doanh nghiệp nước ngoài, nó sẽ tạo hiệu ứng ngược lại và làm giá thành tăng vọt nên giảm tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp.

- *Về tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực FDI với việc tăng thu NSNN của địa phương*

Tác động của FDI đối với tăng thu NSNN trên địa bàn tỉnh. Hệ số Spearman mang dấu dương (+), tăng qua các năm thể hiện tăng trưởng FDI thuận chiều, tác động

trực tiếp tới việc tăng thu NSNN. Thực tế, năm 2020, đóng góp ngân sách của doanh nghiệp FDI chiếm tỉ trọng lớn chiếm 80% trong khi số bình quân cả nước khu vực FDI đóng góp khoảng 28% tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm [9].

3. Kết luận và một số hàm ý chính sách cho tỉnh Vĩnh Phúc

Đầu tư khu vực FDI của tỉnh Vĩnh Phúc đã thúc đẩy tăng trưởng của khu vực tư nhân trong nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, gia tăng NSLĐ của nền kinh tế, tăng thu NSNN, đồng thời có tác động tức thời trong việc tạo việc làm của tỉnh. Tuy vậy FDI chỉ tác động tới tăng trưởng kinh tế chỉ tăng thời kỳ đầu và bắt đầu giảm ở các năm sau đó; phần lớn khu vực FDI sử dụng lao động rẻ, gia công lắp ráp và tạo giá trị gia tăng thấp, không tạo ra khả năng tăng trưởng việc làm trong dài hạn; mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI đối với doanh nghiệp trong nước còn chưa cao; tác động FDI tới NSLĐ của nền kinh tế còn chưa ổn định. Hệ số tương quan hầu như nhỏ ở cả các tác động cùng chiều và ngược chiều cho thấy tác động của FDI đến các biến số đại diện cho phát triển kinh tế xã hội là không thực sự rõ nét. Điều này khẳng định sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc chưa thực sự tương xứng với vốn đầu tư của khu vực FDI của tỉnh.

Bên cạnh đó, bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế toàn cầu hoá, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước áp lực cạnh tranh khốc liệt, bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều thách thức khi đại dịch Covid-19, tác giả đưa ra một số các khuyến nghị về nâng cao hiệu quả thu

hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và như sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về FDI

Nhà nước có vai trò quyết định sự phát triển KTXH của mỗi quốc gia nói chung và của mỗi địa phương, tỉnh lớn nói riêng. Vì thế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về FDI giữ vai trò như một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng FDI, cụ thể nhà nước cần phải có chính sách cụ thể, rõ ràng đối với khuyến khích và hạn chế đầu tư FDI. Phải có chính sách ưu đãi vượt trội đủ sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thôi thúc các nhà đầu tư tư nhân tham gia phát triển theo định hướng chung của tỉnh, cần phải có những cam kết đối với nhà đầu tư, tạo những lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Chính sách chọn lọc và đẩy mạnh sự kết nối giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài, có chính sách ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội; các dự án có khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; các dự án trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, viễn thông, công nghiệp cơ khí, vật liệu xây dựng, vật liệu mới và công nghiệp hỗ trợ của ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy, điện tử; các dự án phát triển hạ tầng KCN, dự án du lịch dịch vụ, trường đại học tầm cỡ quốc tế và các dự án đầu tư vào ngành dịch vụ như: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục - đào tạo.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thu hút FDI

Tiếp tục tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư, nhằm giới thiệu, quảng bá những tiềm

năng, lợi thế, cơ chế chính sách ưu đãi thu hút đầu tư của tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp. Thu hút các nhà đầu tư FDI hướng vào việc tạo ra những ngành mũi nhọn có trình độ công nghệ cao, đảm bảo sự phát triển bền vững, lan toả, kéo theo sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Cần thu hút các dự án FDI sử dụng nhiều lao động tại chỗ đặc biệt là doanh nhân để thực hiện được các mục tiêu về chuyển giao công nghệ. Vĩnh Phúc cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động cải thiện môi trường đầu tư, mở rộng địa bàn và hình thức thu hút đầu tư nước ngoài vào những thị trường giàu tiềm năng và các công ty đa quốc gia. Cùng với đó, nâng cao chất lượng dự án thu hút đầu tư mới theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật; ưu tiên thu hút các ngành nghề đón đầu Cách mạng công nghiệp 4.0 như: Công nghiệp phần mềm, kỹ thuật số, kỹ thuật nano, công nghiệp sinh học, vật liệu mới và các lĩnh vực tính có lợi thế cạnh tranh như cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ ô tô xe máy... vào các KCN Bá Thiện, Bá Thiện II, Bình Xuyên II, Thăng Long Vĩnh Phúc.

Tăng cường đổi mới hoạt động thu hút đầu tư, bảo đảm hài hòa các lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân; nâng cao chất lượng dự án thu hút đầu tư mới theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật; ưu tiên thu hút các ngành nghề đón đầu cách mạng công nghiệp 4.0 như: Công nghiệp ICT, kỹ thuật số, kỹ thuật nano, công nghệ sinh học, vật liệu mới thân thiện với môi trường, đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ đối với các dự án đã đầu tư hiệu quả tại các

khu công nghiệp, thúc đẩy dòng vốn tái đầu tư của các dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh làm tăng quy mô và giá trị vốn đầu tư, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển giao công nghệ, tạo đà cho phát triển kinh tế bền vững và cân bằng giữa dòng vốn FDI. Chủ động giải quyết vướng mắc về thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến.

Thứ tư, nâng cao và hoàn thiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ thu hút FDI

Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật không chỉ là điều kiện cần để tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư triển khai dự án và các kế hoạch đầu tư của mình, mà đó còn là cơ hội để nước ta tăng thu hút vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực cơ sở vật chất, hạ tầng, kỹ thuật. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng kết nối số và an ninh mạng, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, ưu tiên phát triển và chuyển giao KHCN, nhất là KHCN hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao NSLĐ, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao KHCN.

Thứ năm, phát triển năng lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế

Tập trung phát triển nhân lực chất lượng cao, trong đó ưu tiên phát triển nhân lực quản lý, doanh nhân và lao động nghệ cho các lĩnh vực công nghệ cao. Phấn đấu đưa tỉ lệ qua đào tạo lên khoảng 65% vào

2030, trong đó lao động làm việc trong khu vực CNC chiếm khoảng 30%. Đẩy mạnh hơn nữa và thực sự đi đầu trong việc cải cách và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở Thủ đô nhằm phát triển nhanh hơn nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục xây dựng và triển khai cơ chế phát huy sức mạnh của đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trên địa bàn; sử dụng có hiệu quả tiềm năng chất xám hàng đầu cả nước vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược và định hướng thu hút FDI thể hệ mới 2020 - 2030 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư và IFC- 6/2018).
2. Lê Quốc Hội (2008), *Lan tỏa công nghệ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Ước lượng và kiểm định ở ngành công nghiệp chế biến*, Tạp chí Kinh tế Phát triển, số 135(tháng 9/2009),
3. Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc 2015 - 2020
4. Nguyễn Phú Tụ và Huỳnh Công Minh (2010), *Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam*, <http://www.danangtimes.vn>.
5. Nguyễn Thị Thu Hương (2020), Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới xuất nhập khẩu ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ.
6. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2020), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc;
7. Hoàng Hương Giang (2019), Giải pháp thu hút FDI tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng bền vững, Báo điện tử, truy cập từ <https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/giai-phap-thu-hut-fdi-tinh-vinh-phuc-theo-huong-ben-vung-310153.html?mobile=true>.
8. Thu hút FDI từ chiều rộng sang chiều sâu (2021), Báo điện tử, truy cập từ <https://vneconomy.vn/thu-hut-fdi-tu-chieu-rong-sang-chieu-sau-646296.htm>.